

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		33.848.166	55.568.362
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	649.130.691	593.562.329
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	682.978.857	649.130.691

Người lập biểu

Đoàn Thị Kim Vân

Phụ trách kế toán

Đoàn Thị Kim Vân

Lập, ngày 22 tháng 05 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần

2. **Khái quát về công ty:**

Công ty Cổ phần Rượu Hapro (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102164984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 06 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 6 năm 2024.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 06: 32.978.600.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2026: 32.978.600.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0102164984

3. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

4. **Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:

- Bán buôn đồ uống.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê kho bãi.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:**

Số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 3 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Công ty Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của doanh nghiệp là:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Thiết kế nhận diện thương hiệu

Thiết kế nhận diện thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước .

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 40 năm.

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

17. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	14.392.838	15.017.638
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	168.586.019	134.113.053
Các khoản tương đương tiền	500.000.000	500.000.000
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng (*)</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
Cộng	682.978.857	649.130.691

(*) Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hà Nội, lãi suất 3,05 – 3,55%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hà Nội, số tiền 300.000.000 VND, lãi suất 4,6%/năm.

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>300.966.891</i>	<i>(300.966.891)</i>	<i>300.966.891</i>	<i>(321.096.881)</i>
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	141.284.421	(141.284.421)	141.284.421	(141.284.421)
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP - TTKD Siêu thị Hapromart	45.250.984	(45.250.984)	45.250.984	(45.250.984)
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro	51.519.946	(51.519.946)	51.519.946	(51.519.946)
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội tại Hải Dương	23.152.000	(23.152.000)	23.152.000	(23.152.000)
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội tại Quảng Ninh	20.024.000	(20.024.000)	20.024.000	(20.024.000)
Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	10.518.877	(10.518.877)	10.518.877	(10.518.877)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	9.216.663	(9.216.663)	9.216.663	(9.216.663)
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>559.690.412</i>	<i>(559.690.412)</i>	<i>559.690.412</i>	<i>(539.560.422)</i>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trường An	100.500.027	(100.500.027)	100.500.027	(100.500.027)
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Thương mại Thanh Thảo	96.601.815	(96.601.815)	96.601.815	(96.601.815)
Các khách hàng khác	362.588.570	(362.588.570)	362.588.570	(342.458.580)
Cộng	860.657.303	(860.657.303)	860.657.303	(860.657.303)

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	53.927.526	53.927.526
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Kinh bắc	45.927.526	45.927.526
Các nhà cung cấp khác	8.000.000	8.000.000
Cộng	53.927.526	53.927.526

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	438.882.416	(431.010.195)	431.926.206	(431.010.195)
Tạm ứng	101.109.640	(93.237.419)	94.153.430	(93.237.419)
Phải thu ngắn hạn khác	337.772.776	(337.772.776)	337.772.776	(337.772.776)
Ông Nguyễn Đắc Kiên	208.259.645	(208.259.645)	208.259.645	(208.259.645)
Các đối tượng khác	129.513.131	(129.513.131)	129.513.131	(129.513.131)
Cộng	438.882.416	(431.010.195)	431.926.206	(431.010.195)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	26.655.604	-
Cộng	-	-	26.655.604	-

7. Chi phí trả trước**a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.223.020	29.223.020
Cộng	29.223.020	29.223.020

b, Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền thuê đất	5.821.843.217	6.012.425.309
Cộng	5.821.843.217	6.012.425.309

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.055.257.636	235.305.979	7.290.563.615
Số cuối năm	7.055.257.636	235.305.979	7.290.563.615
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	235.305.979	235.305.979
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.423.875.004	235.305.979	3.659.180.983
Khấu hao trong năm	415.015.152	-	415.015.152
Số cuối năm	3.838.890.156	235.305.979	4.074.196.135
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.631.382.632	-	3.631.382.632
Số cuối năm	3.216.367.480	-	3.216.367.480

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và thiết kế nhận diện thương hiệu đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 79.500.000 VND.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên liên quan	514.383.673	514.383.673	1.967.747.308	1.967.747.308
Tổng Công ty thương mại Hà Nội - TTKD Miễn Thuế	490.120.888	490.120.888	1.393.484.523	1.393.484.523
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	24.262.785	24.262.785	574.262.785	574.262.785
Phải trả các nhà cung cấp khác (*)	997.285.027	997.285.027	997.285.027	997.285.027
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Saturn	295.446.525	295.446.525	295.446.525	295.446.525
Các nhà cung cấp khác	701.838.502	701.838.502	701.838.502	701.838.502
Cộng	1.511.668.700	1.511.668.700	2.965.032.335	2.965.032.335

(*) Các khoản nợ phải trả lâu ngày đã quá thời hạn thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	361.808.923	361.808.923
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro (*)	361.808.923	361.808.923
Trả trước của các khách hàng khác	630.558.472	630.558.472
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hapro Đà Nẵng (*)	581.664.624	581.664.624
Các khách hàng khác (*)	48.893.848	48.893.848
Cộng	992.367.395	992.367.395

(*) Các khoản nợ phải trả lâu ngày đã quá thời hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	35.400.158	-	158.928.410	(157.303.078)	37.025.490	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.129.190	-	-	-	8.129.190
Cộng	35.400.158	8.129.190	158.928.410	(157.303.078)	37.025.490	8.129.190

Thuế phải thu được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.8.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Phải trả khác**a, Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>1.765.622.501</i>	<i>1.763.326.501</i>
Kinh phí công đoàn	60.663.106	60.663.106
Bảo hiểm xã hội	182.425.313	180.595.688
Bảo hiểm y tế	37.185.691	36.862.816
Bảo hiểm thất nghiệp	59.390.599	59.247.099
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)	1.425.957.792	1.425.957.792
<i>Phải trả về góp vốn (**)</i>	<i>1.385.000.000</i>	<i>1.385.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>40.957.792</i>	<i>40.957.792</i>
Cộng	1.765.622.501	1.763.326.501

(*) Các khoản nợ phải trả lâu ngày đã quá thời hạn thanh toán.

(**) Khoản phải trả các cổ đông về khoản tiền Công ty đã thu để tăng vốn theo dự kiến nhưng chưa hoàn thành thủ tục tăng vốn.

b, Các khoản phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>309.386.000</i>	<i>281.260.000</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	309.386.000	281.260.000
Cộng	309.386.000	281.260.000

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	400.000.000	400.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	300.000.000	300.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Bình Minh Việt (1)</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
Vay ngắn hạn các cá nhân	100.000.000	100.000.000
<i>Bà Nguyễn Thị Hồng Vân (2)</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
Cộng	400.000.000	400.000.000

(1) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Bình Minh Việt theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/HĐVV-2014 ngày 02/01/2014 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 01/04/2020, thời hạn vay 12 tháng, số tiền vay ban đầu là 300.000.000 VND; lãi suất vay được đàm phán sau khi kết thúc hợp đồng; mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Đến ngày 31/3/2026, khoản vay đã quá hạn thanh toán.

(2) Khoản vay bà Nguyễn Thị Hồng Vân theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 03/HĐVV/2013 ngày 18/12/2013 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 15/03/2020, thời hạn vay 12 tháng, số tiền vay ban đầu là 100.000.000 VND; lãi suất vay được đàm phán sau khi kết thúc hợp đồng; mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Đến ngày 31/3/2026, khoản vay đã quá hạn thanh toán.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	300.000.000	-	-	300.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	100.000.000	-	-	100.000.000
Cộng	400.000.000	-	-	400.000.000

15. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	32.978.600.000	(26.125.997.164)	6.852.602.836
Lợi nhuận trong năm trước	-	(2.893.300.703)	(2.893.300.703)
Số dư cuối năm trước	32.978.600.000	(29.019.297.867)	3.959.302.133
Số dư đầu năm nay	32.978.600.000	(29.019.297.867)	3.959.302.133
Lợi nhuận trong năm nay	-	838.496.941	838.496.941
Số dư cuối năm nay	32.978.600.000	(28.180.800.926)	4.797.799.074

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTPC	18.000.000.000	54,58%	18.000.000.000	54,58%
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	1.000.000.000	3,03%	1.000.000.000	3,03%
Các Cổ đông khác	13.978.600.000	42,39%	13.978.600.000	42,39%
Cộng	32.978.600.000	100,00%	32.978.600.000	100,00%

c, Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.297.860	3.297.860
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	3.297.860	3.297.860
- Cổ phiếu phổ thông	3.297.860	3.297.860
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.297.860	3.297.860
- Cổ phiếu phổ thông	3.297.860	3.297.860
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	81.123.966
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.783.267.070	1.643.236.364
Cộng	1.783.267.070	1.724.360.330

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	81.333.168
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	441.670.756	705.603.649
Cộng	441.670.756	786.936.817

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	31.420.341	16.328.484
Cộng	31.420.341	16.328.484

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	141.420.350	186.892.440
Dự phòng phải thu khó đòi	-	105.685.554
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.945.361	60.797.033
Các chi phí khác	363.154.003	302.664.571
Cộng	534.519.714	659.039.598

5. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	-	3.188.013.102
Cộng	-	3.188.013.102

(*) Theo Nghị Quyết số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 03/01/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua phương án xử lý khoản mục “Tài sản thiếu chờ xử lý” với số tiền 3.188.013.102 VND do khoản công nợ không có khả năng thu hồi.

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	838.496.941	(2.893.300.703)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.196.843	3.311.630.098
Chi phí không được trừ	3.196.843	3.311.630.098
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	841.693.784	418.329.395
Lỗi các năm trước được chuyển	(841.693.784)	(418.329.395)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	838.496.941	(2.893.300.703)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	838.496.941	(2.893.300.703)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.297.860	3.297.860
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	254,25	(877,33)

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.297.860	3.297.860
Ảnh hưởng tăng vốn do phát hành cổ phiếu	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.297.860	3.297.860

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	141.420.350	186.892.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	415.015.152	415.015.152
Chi phí dự phòng	-	105.685.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.945.361	60.797.033
Chi phí khác	389.809.607	596.253.067
Cộng	976.190.470	1.364.643.246

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù trừ công nợ phải thu – phải trả	103.363.635	262.298.180

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong năm, Công ty không phát sinh công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**B, Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP - TTKD Siêu thị Hapromart	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty thương mại Hà Nội - TTKD Miễn Thuế	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro	Công ty cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Công ty cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	Công ty cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội tại Hải Dương	Chi nhánh của công ty cùng chủ sở hữu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội tại Quảng Ninh	Chi nhánh của công ty cùng chủ sở hữu

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP		
Phải thu tiền bán hàng	-	144.480.000
Thu tiền bán hàng	-	12.312.966
Phải trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	47.524.430	45.192.430
Trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	47.524.430	507.576.264
Bù trừ công nợ phải thu - phải trả ba bên	-	144.480.000
Tổng Công ty thương mại Hà Nội - TTKD Miễn Thuế		
Bù trừ công nợ phải thu - phải trả ba bên	103.363.635	117.818.180
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	103.363.635	117.818.180
Trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	800.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long		
Thu tiền bán hàng	-	3.746.001
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP - TTKD Siêu thị Hapromart		
Phải trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	6.390.000	-
Trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	6.390.000	-
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro		
Trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	550.000.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.10, V.11/.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty đã thanh lý toàn bộ tài sản dây truyền máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cho thuê hạ tầng và hợp tác kinh doanh trên đất hợp pháp tại địa điểm lô B5A Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, xã Thuận An, thành phố Hà Nội. Những điều kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đang có kế hoạch cải thiện kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm, Công ty tiếp tục khai thác nguồn thu từ việc cho thuê hạ tầng và hợp tác kinh doanh tại địa điểm nêu trên và cho thuê phương tiện vận tải không sử dụng đến. Công ty đã ghi nhận lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm nay lãi 838.496.941 VND (năm trước số lãi là 294.712.399 VND), cùng với lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh đạt giá trị dương, cho thấy những tín hiệu tích cực ban đầu trong quá trình phục hồi hoạt động. Ngoài ra, Ban Giám đốc khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tiếp theo. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 22 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Đoàn Thị Kim Vân

Đoàn Thị Kim Vân

Đoàn Thị Kim Vân